



KPMG'S COPY

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 4103004305 ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140)	100		913.846.241.833	897.648.828.564
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	766.510.324.677	720.973.559.990
Tiền	111		71.510.324.677	40.973.559.990
Các khoản tương đương tiền	112		695.000.000.000	680.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.950.617.094	125.303.835.381
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	43.498.746.795	59.176.793.237
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	6.780.158.206	2.306.312.496
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	50.671.712.093	63.820.729.648
Hàng tồn kho	140	12	46.385.300.062	51.371.433.193
Hàng tồn kho	141		46.385.300.062	51.371.433.193
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		537.234.418.449	568.666.300.894
Các khoản phải thu dài hạn	210		131.276.000.000	137.384.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	131.276.000.000	137.384.000.000
Tài sản cố định	220		209.517.422.361	234.205.258.735
Tài sản cố định hữu hình	221	13	187.702.989.342	212.084.323.470
Nguyên giá	222		3.324.047.403.499	3.324.047.403.499
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.136.344.414.157)	(3.111.963.080.029)
Tài sản cố định vô hình	227	14	21.814.433.019	22.120.935.265
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.436.547.192)	(6.130.044.946)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	185.676.245.111	186.471.302.699
Đầu tư vào công ty con	251		175.000.000.000	175.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.823.754.889)	(53.028.697.301)
Tài sản dài hạn khác	260		10.764.750.977	10.605.739.460
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33(c)	10.764.750.977	10.605.739.460
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.451.080.660.282	1.466.315.129.458

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		341.199.590.230	322.678.905.237
Nợ ngắn hạn	310		216.155.132.730	175.968.664.737
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	26.377.713.068	17.420.886.897
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	9.925.873.007	13.330.069.625
Phải trả người lao động	314		35.069.601.239	35.849.674.055
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	8.710.122.217	3.102.939.652
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	6.084.601.375	5.382.768.813
Vay ngắn hạn	320	20(a)	43.331.566.000	43.331.566.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	55.944.804.123	36.733.120.307
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	30.710.851.701	20.817.639.388
Nợ dài hạn	330		125.044.457.500	146.710.240.500
Vay dài hạn	338	20(b)	125.044.457.500	146.710.240.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.109.881.070.052	1.143.636.224.221
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.109.881.070.052	1.143.636.224.221
Vốn cổ phần	411	24	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	123.257.066	123.257.066
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		97.599.297.763	131.354.451.932
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		46.461.706.819	54.292.317.258
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		51.137.590.944	77.062.134.674
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.451.080.660.282	1.466.315.129.458

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	27	306.615.408.791	306.099.130.737
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	28	210.147.143.807	269.013.973.823
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		96.468.264.984	37.085.156.914
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	9.930.467.542	18.664.844.270
Chi phí tài chính	22	30	4.271.213.740	11.260.628.341
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.799.511.356</i>	<i>5.248.480.317</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	37.387.845.476	29.845.251.105
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		64.739.673.310	14.644.121.738
Thu nhập khác	31		48.823.607	199.727.273
Chi phí khác	32		202.697.377	151.388.192
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(153.873.770)	48.339.081
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		64.585.799.540	14.692.460.819
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	13.607.220.113	4.272.299.338
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(159.011.517)	(1.194.113.848)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		51.137.590.944	11.614.275.329

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	64.585.799.540	14.692.460.819
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	24.687.836.374	89.755.556.319
Các khoản dự phòng	03	36.073.287.359	49.485.419.241
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.960.317)	(67.806)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.926.040.892)	(18.716.119.545)
Chi phí lãi vay	06	2.799.511.356	5.248.480.317
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	118.218.433.420	140.465.729.345
Biến động các khoản phải thu	09	29.640.573.457	35.496.018.274
Biến động hàng tồn kho	10	4.986.133.131	5.168.774.677
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.317.022.115)	(17.819.882.050)
		151.528.117.893	163.310.640.246
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.988.415.472)	(5.421.603.422)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.206.880.400)	(3.474.613.115)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.106.200.000)	(4.133.505.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	120.226.622.021	150.280.918.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		-	(1.930.900.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	199.727.273
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		10.746.685.722	31.894.833.233
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.746.685.722	30.163.660.506
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(21.665.783.000)	(21.665.783.000)
Tiền trả cổ tức	36		(63.783.526.200)	(63.709.240.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(85.449.309.200)	(85.375.023.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		45.523.998.543	95.069.555.415
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		720.973.559.990	513.016.939.085
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.766.144	(12.918)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	766.510.324.677	608.086.481.582

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Phan Nhân Tri
 Kế toán tổng hợp


 Nguyễn Trọng Nghĩa
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Nguyễn Quang Cường
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 338 nhân viên (1/1/2024: 339 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 – 2,5 năm/lần. Số dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định theo dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

11/01/2024

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có sự thay đổi trọng yếu nào về các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Công ty không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	643.771.805	464.820.511
Tiền gửi ngân hàng	70.866.552.872	40.508.739.479
Các khoản tương đương tiền (*)	695.000.000.000	680.000.000.000
	766.510.324.677	720.973.559.990
	766.510.324.677	720.973.559.990

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2,0% đến 3,5%/năm (1/1/2024: từ 2,0% đến 3,6%/năm).

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	11.534.817.910	13.441.252.159
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	31.963.928.885	45.735.541.078
	43.498.746.795	59.176.793.237
	43.498.746.795	59.176.793.237

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn	4.560.161.539	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Sản xuất Giang Châu	-	1.073.668.130
Các nhà cung cấp khác	2.219.996.667	1.232.644.366
	<hr/>	<hr/>
	6.780.158.206	2.306.312.496
	<hr/>	<hr/>

11. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	40.738.897.400	56.247.432.000
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	-	508.000.000
▪ <i>Phải thu về chi hệ mua tàu</i>	28.000.000.000	43.000.000.000
▪ <i>Phải thu khác</i>	12.738.897.400	12.739.432.000
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	23.149.691	1.802.000.000
▪ <i>Phải thu về lợi nhuận được chia</i>	23.149.691	1.802.000.000
Chi hệ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	6.716.106.643	3.028.071.046
Tạm ứng cho người lao động	1.544.000.000	1.286.649.286
Lãi tiền gửi	1.466.205.479	-
Các khoản phải thu khác	183.352.880	1.456.577.316
	<hr/>	<hr/>
	50.671.712.093	63.820.729.648
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	131.230.000.000	137.370.000.000
▪ <i>Phải thu về chi hệ mua tàu</i>	<i>131.230.000.000</i>	<i>137.370.000.000</i>
Các khoản phải thu khác	46.000.000	14.000.000
	131.276.000.000	137.384.000.000
	131.276.000.000	137.384.000.000

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả vào năm 2025.

12. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Nguyên vật liệu	45.543.406.464	50.724.653.404
Công cụ và dụng cụ	841.893.598	646.779.789
	46.385.300.062	51.371.433.193
	46.385.300.062	51.371.433.193

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyên VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	101.836.756.726	174.339.147	3.221.288.598.251	747.709.375	3.324.047.403.499
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	10.935.490.656	174.339.147	3.100.499.485.295	353.764.931	3.111.963.080.029
Khấu hao trong kỳ	1.366.936.332	-	22.946.864.462	67.533.334	24.381.334.128
Số dư cuối kỳ	12.302.426.988	174.339.147	3.123.446.349.757	421.298.265	3.136.344.414.157
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	90.901.266.070	-	120.789.112.956	393.944.444	212.084.323.470
Số dư cuối kỳ	89.534.329.738	-	97.842.248.494	326.411.110	187.702.989.342

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 95.198 triệu VND (1/1/2024: 117.442 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20(b)).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 2.768.142 triệu VND (1/1/2024: 2.768.142 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2024				1/1/2024							
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con												
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	100%	160.000.000.000	- (*)	(*)	100%	100%	100%	160.000.000.000	- (*)	(*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	100%	15.000.000.000	- (*)	(*)	100%	100%	100%	15.000.000.000	- (*)	(*)
				<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>					<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác												
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(47.823.754.889)	(*)	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000	(47.028.697.301)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	(6.000.000.000)	(*)	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	(6.000.000.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(53.823.754.889)</u>					<u>64.500.000.000</u>	<u>(53.028.697.301)</u>	
				<u>239.500.000.000</u>	<u>(53.823.754.889)</u>					<u>239.500.000.000</u>	<u>(53.028.697.301)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	53.028.697.301	47.058.128.060
Dự phòng lập trong kỳ	795.057.588	6.000.000.000
Dự phòng hoàn lại trong kỳ	-	(29.430.759)
Số dư cuối kỳ	<u>53.823.754.889</u>	<u>53.028.697.301</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	1.484.809.421	752.647.617
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	4.673.230.755	3.841.711.340
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	14.831.936.834	8.078.880.810
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	1.795.110.655	-
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	682.831.124	1.375.135.608
Tổng kho Xăng dầu Nhà bè	386.762.624	-
Công ty Xăng dầu Khu vực II – TNHH MTV	38.342.100	70.222.109
	23.893.023.513	14.118.597.484
Các bên khác		
Đăng kiểm Mỹ ABS	-	843.017.500
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Sửa chữa Tàu biển Việt Điện	-	316.110.708
Các nhà cung cấp khác	2.484.689.555	2.143.161.205
	2.484.689.555	3.302.289.413
	26.377.713.068	17.420.886.897

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	1.655.141.078	11.058.600.441	(11.760.407.043)	953.334.476
Thuế nhập khẩu	-	836.428.478	(836.428.478)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.987.781.972	13.607.220.113	(17.206.880.400)	7.388.121.685
Thuế thu nhập cá nhân	628.011.615	2.690.415.475	(2.995.634.694)	322.792.396
Các loại thuế phí khác	59.134.960	1.580.052.870	(377.563.380)	1.261.624.450
	13.330.069.625	29.772.717.377	(33.176.913.995)	9.925.873.007

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Lương và phúc lợi cho nhân viên	5.276.317.000	-
Chi phí tiếp thị và nghiên cứu thị trường	497.584.496	-
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	1.599.508.085	776.487.725
Chi phí lãi vay	468.963.719	657.867.835
Cảng phí	-	361.258.233
Các khoản khác	867.748.917	1.307.325.859
	8.710.122.217	3.102.939.652

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	529.000.000	174.500.000
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	447.800.000	250.360.000
Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO	1.634.281.668	2.227.683.762
<i>Các bên khác</i>		
Kinh phí công đoàn	1.955.885.774	1.312.024.616
Cổ tức phải trả	1.301.182.860	1.191.376.260
Các khoản phải trả khác	216.451.073	226.824.175
	<hr/>	<hr/>
	6.084.601.375	5.382.768.813
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2024 VND	Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 30/6/2024 VND
		Tăng VND	Trả nợ vay VND	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	43.331.566.000	21.665.783.000	(21.665.783.000)	43.331.566.000

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành	VND	7,3%	2026	69.866.023.500	85.391.806.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	7,2%	2032	98.510.000.000	104.650.000.000
				168.376.023.500	190.041.806.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(43.331.566.000)	(43.331.566.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				125.044.457.500	146.710.240.500

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản vay dài hạn này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 95.198 triệu VND (1/1/2024: 117.442 triệu VND) (Thuyết minh 13) và một số tài sản cố định hữu hình của một công ty con.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Dự phòng sửa chữa lớn	55.944.804.123	36.733.120.307
Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong kỳ như sau:		
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	36.733.120.307	24.472.650.000
Dự phòng lập trong kỳ	35.278.229.771	43.514.850.000
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(16.066.545.955)	(13.642.889.098)
Số dư cuối kỳ	55.944.804.123	54.344.610.902

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	20.817.639.388	12.837.483.691
Trích lập trong kỳ	20.999.412.313	18.637.500.697
Sử dụng quỹ	(11.106.200.000)	(5.399.905.000)
Số dư cuối kỳ	30.710.851.701	26.075.079.388



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	136.823.150.755	1.149.104.923.044
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	11.614.275.329	11.614.275.329
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(18.637.500.697)	(18.637.500.697)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	65.906.592.587	1.078.188.364.876
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	131.354.451.932	1.143.636.224.221
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	51.137.590.944	51.137.590.944
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.999.412.313)	(20.999.412.313)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	97.599.297.763	1.109.881.070.052

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 16 tháng 4 năm 2024 đã quyết định chia cổ tức năm 2023 với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 8% vốn cổ phần cho năm 2023 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 8% vốn cổ phần).

26. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.909	174.469.189	6.922	162.009.339

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	304.309.408.793	303.793.130.739
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.305.999.998	2.305.999.998
	<hr/>	<hr/>
	306.615.408.791	306.099.130.737

28. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	209.340.043.807	268.206.873.823
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	807.100.000	807.100.000
	<hr/>	<hr/>
	210.147.143.807	269.013.973.823

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.296.650.310	16.424.079.879
Cổ tức được chia	1.629.390.582	2.092.312.393
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.426.650	148.451.998
	<hr/>	<hr/>
	9.930.467.542	18.664.844.270

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.799.511.356	5.248.480.317
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	676.644.796	41.578.783
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác	795.057.588	5.970.569.241
	4.271.213.740	11.260.628.341

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	20.390.515.750	14.913.533.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.363.728.804	3.998.854.767
Chi phí khấu hao	2.443.071.904	2.241.448.293
Chi phí vật liệu quản lý	1.436.269.185	259.562.890
Chi phí đồ dùng văn phòng	143.372.385	32.808.181
Chi phí khác	9.610.887.448	8.399.043.859
	37.387.845.476	29.845.251.105

32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	64.179.942.723	57.013.372.786
Chi phí nhân viên	72.314.044.685	52.319.550.260
Chi phí khấu hao	24.687.836.374	89.755.556.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.180.350.713	28.245.916.456
Chi phí khác	69.172.814.788	71.524.829.107

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	13.231.295.096	4.258.989.405
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	375.925.017	13.309.933
	13.607.220.113	4.272.299.338
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(159.011.517)	(1.194.113.848)
	13.448.208.596	3.078.185.490

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.585.799.540	14.692.460.819
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.917.159.908	2.938.492.164
Thu nhập không bị tính thuế	(325.878.116)	(418.462.479)
Chi phí không được khấu trừ thuế	642.566.534	539.294.000
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	375.925.017	13.309.933
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(161.564.747)	5.551.872
	13.448.208.596	3.078.185.490

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	104.008.345.296	109.021.409.985
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Cung cấp dịch vụ	202.607.063.495	196.929.844.998
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	2.112.450.432	16.000.000
Chia cổ tức	33.172.173.600	33.172.173.600
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	770.130.508	6.624.745.347
Cổ tức được chia	606.240.891	2.000.641.119
Công ty TNHH MTV VITACO Đà Nẵng		
Cổ tức được chia	23.149.691	91.671.274
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	-	2.727.272
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	8.963.715.449	7.136.933.687
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	9.905.723.647	9.295.210.245
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	37.065.014.707	27.147.760.100
Công ty Xăng dầu Khu vực II – TNHH MTV		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	699.672.249	340.833.549
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	1.830.097.519	1.372.741.439

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giá trị giao dịch	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024	30/6/2023
		VND	VND
Thành viên Ban Giám đốc			
Tiền lương và thưởng			
Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc	308.800.000	307.800.000
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	248.800.000	247.800.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	(*)	(*)
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	248.800.000	247.800.000
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc	248.800.000	247.800.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc	248.800.000	247.800.000
	<i>(đến ngày 30/6/2024)</i>	248.800.000	247.800.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			
Tiền lương, thưởng và thù lao			
Ông La Văn Út	Chủ tịch	368.800.000	367.800.000
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
	<i>(đến ngày 30/6/2024)</i>	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát	206.800.000	73.800.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	33.600.000	12.600.000
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	33.600.000	33.600.000

(*) Các khoản tiền lương và thưởng của ông Bùi Hồng Dũng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được chi trả bởi Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn, là công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

